

**2. Tiền gửi có kỳ hạn:**

Kỳ hạn	Lãi suất (%/năm)				
	USD	DEM	GBP	FRF	JPY
1 tháng	5,40	3,25	7,25	3,20	0,65
3 tháng	5,43	3,30	7,30	3,30	0,55
6 tháng	5,45	3,35	7,35	3,35	0,53
9 tháng	5,48	3,40	7,38	3,40	0,50
1 năm	5,52	3,50	7,40	3,50	0,48

*Điều 2.-* Các mức lãi suất quy định tại Điều 1 của Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1 tháng 4 năm 1998, thay thế các mức lãi suất quy định tại Quyết định số 83/QĐ-NH7 ngày 24-3-1995 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. Số dư tiền gửi ngoại tệ không kỳ hạn của các tổ chức tín dụng và Kho bạc Nhà nước đến cuối ngày 31 tháng 3 năm 1998 chuyển sang áp dụng theo các mức lãi suất quy định tại Quyết định này; số dư tiền gửi ngoại tệ có kỳ hạn vẫn thực hiện theo mức lãi suất đang gửi cho đến hết kỳ hạn.

*Điều 3.-* Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc (Giám đốc) các Tổ chức tín dụng, Kho bạc Nhà nước, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Trung ương, Giám đốc các Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Q. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước

**ĐỖ QUẾ LƯỢNG**

**QUYẾT ĐỊNH số 135/1998/QĐ-NHNN1**  
**ngày 11-4-1998 về tỷ lệ và cơ cấu**  
**dự trữ bắt buộc đối với ngân**  
**hàng, tổ chức tín dụng.**

**THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;*

*Căn cứ Pháp lệnh Ngân hàng Nhà nước và Pháp lệnh Ngân hàng, Hợp tác xã tín dụng và Công ty tài chính công bố theo Lệnh số 37-LCT/HĐNN8 và Lệnh số 38-LCT/HĐNN8 ngày 24-5-1990 của Chủ tịch Hội đồng Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;*

*Căn cứ Nghị định số 15-CP ngày 2-3-1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ nghiên cứu kinh tế,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

*Điều 1.-* Tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với các ngân hàng, tổ chức tín dụng là 10% trên tổng số tiền gửi quy định tại Điều 11 của Quy chế Dự trữ bắt buộc đối với các ngân hàng, tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 396/1997/QĐ-NHNN1 ngày 1-12-1997 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. Tiền gửi có kỳ hạn thuộc loại phải dự trữ bắt buộc là tiền gửi có kỳ hạn dưới 12 tháng.

*Điều 2.-* Cơ cấu tiền dự trữ bắt buộc bao gồm tiền gửi trên tài khoản không kỳ hạn tại Ngân hàng Nhà nước và tiền mặt, ngân phiếu còn thời hạn thanh toán tại quỹ ngân hàng, tổ chức tín dụng:

2.1. Tiền dự trữ bắt buộc của ngân hàng, tổ chức tín dụng gửi trên tài khoản tiền gửi không kỳ hạn tại Ngân hàng Nhà nước tối thiểu là 70% tổng số tiền dự trữ bắt buộc của ngân hàng, tổ chức tín dụng.

09666013

2.2. Tiền mặt và ngân phiếu thanh toán còn thời hạn thanh toán để tại quỹ ngân hàng, tổ chức tín dụng được tính là tiền dự trữ bắt buộc tối đa 30% tổng tiền dự trữ bắt buộc của ngân hàng, tổ chức tín dụng.

Trường hợp tiền mặt, ngân phiếu còn thời hạn thanh toán thực tế bình quân để tại quỹ ngân hàng, tổ chức tín dụng lớn hơn 30% tiền dự trữ bắt buộc thì lấy 30%. Nếu tiền mặt, ngân phiếu còn thời hạn thanh toán thực tế bình quân để tại quỹ ngân hàng, tổ chức tín dụng nhỏ hơn 30% tiền dự trữ bắt buộc thì lấy số thực tế, phần thiếu đó phải tăng tương ứng gửi tại tài khoản tiền gửi dự trữ bắt buộc tại Ngân hàng Nhà nước.

*Điều 3.*- Ngân hàng Nhà nước trả lãi phần vượt tiền dự trữ bắt buộc của ngân hàng, tổ chức tín dụng gửi trên tài khoản không kỳ hạn tại Ngân hàng Nhà nước cụ thể như sau:

- Đối với tiền gửi VND: bằng 0,2%/ tháng.

- Đối với tiền gửi ngoại tệ: bằng lãi suất tiền gửi ngoại tệ không kỳ hạn theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về lãi suất tiền gửi ngoại tệ của các tổ chức tín dụng gửi tại Ngân hàng Nhà nước.

*Điều 4.*- Ngân hàng Nhà nước phạt phần thiếu tiền dự trữ bắt buộc của ngân hàng, tổ chức tín dụng trong kỳ duy trì dự trữ bắt buộc cụ thể như sau:

- Đối với phần thiếu tiền dự trữ bắt buộc bằng VND trong kỳ duy trì chịu mức phạt bằng 200% lãi suất cho vay tái cấp vốn Ngân hàng Nhà nước công bố từng thời kỳ, tính trên phần thiếu hụt cho cả kỳ duy trì.

- Đối với phần thiếu tiền dự trữ bắt buộc bằng ngoại tệ trong kỳ duy trì chịu mức phạt bằng 200% lãi suất trần cho vay bằng Đô la Mỹ đối với tổ chức kinh tế do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định trong từng thời kỳ, tính trên phần thiếu hụt cho cả kỳ duy trì.

*Điều 5.*- Miễn thi hành dự trữ bắt buộc đối với các Ngân hàng thương mại cổ phần nông thôn.

*Điều 6.*- Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 1 tháng 4 năm 1998 và áp dụng để tính kỳ duy trì dự trữ bắt buộc tháng 4 năm 1998. Quyết định này thay thế Quyết định số 397/1997/QĐ-NHNN1 ngày 1-12-1997 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

*Điều 7.*- Chánh Văn phòng Thống đốc, Chánh Thanh tra, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Trung ương, Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố, Tổng Giám đốc (Giám đốc) các Ngân hàng, tổ chức tín dụng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

K.T. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước  
*Phó Thống đốc*

LÊ ĐỨC THÚY